

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/HS-ST**

Ngày: 02 - 3 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Quan Nam**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Lực**;

Ông **Lê Văn Hùng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Đình Duẩn**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Lý Khoa** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02 năm 2018 và ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40<sup>A</sup>/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng T**, tên gọi khác: Tuấn, sinh năm 1974, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Số 452<sup>A</sup> ấp T, xã R, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; con ông: Nguyễn Hoàng L (đã chết) và bà: Lê Thị L1 (đã chết); vợ: Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại T sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 26/02/2008; Tạm giữ ngày: 16/6/2017; Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 25/6/2017; đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Tạ Phước T**, tên gọi khác: Bi, sinh ngày 07/5/1999, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Số 163 ấp A, xã R, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Tạ Văn U và bà: Nguyễn Kim O; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; Bắt và trả tự do ngày: 20/8/2017; Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 28/8/2017; đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Trần Trường G1**, sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Số 223<sup>A</sup> ấp H, xã R, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Trần Thành N và bà: Nguyễn Thị Đông H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ ngày: 16/6/2017; Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 25/6/2017; đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: **Lê Thanh B**, sinh năm 1975; *Trú tại*: 375 ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. **Nguyễn Văn Bé T (Mười Lù)**, sinh năm 1980; *Trú tại*: 82 ấp T, xã R, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Văn T1**, sinh năm 1974; *Trú tại*: 74<sup>B</sup> ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1963; *Trú tại*: 79 ấp A, xã M, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

4. **Đinh Kim L**, sinh năm 1975; *Trú tại*: 134 ấp H, xã R, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Thị Thanh N (Bé Sáu)**, sinh năm 1967; *Trú tại*: 133 ấp H, xã R, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

6. **Bùi Lê G**, sinh năm 1972; *Trú tại*: 74<sup>A</sup> ấp A, xã M, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

7. **Lưu Tiến Đ**, sinh năm 1978; *Trú tại*: 126 ấp A, xã M, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Văn Đ1**, sinh năm 1992; *Trú tại*: 186 ấp B, xã M, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

9. **Trần Văn T**, sinh năm 1933; *Trú tại*: 370<sup>A</sup> ấp A, xã R, huyện V, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

10. **Nguyễn Kim O**, sinh năm 1968; *Trú tại*: 163 ấp A, xã R, huyện V, Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

11. **Lê Thị Cẩm G**, sinh năm 1998; *Trú tại*: 186 ấp B, xã M, huyện V, Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2017, Nguyễn Hoàng T có cho anh Lê Thanh B vay 30.000.000đ với lãi suất 06%/tháng, nhưng nhiều lần anh B cố tình lách mặt không trả tiền và không đóng lãi cho T. Do đó, vào khoảng 12 giờ ngày 18/5/2017, biết anh B đang chơi bi da tại quán cà phê Lê G, thuộc ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, T rủ Trần Văn H và Tạ Phước T đi tìm B đòi nợ, thì H và T đồng ý, T điện thoại kêu thêm Trần Trường G1 cùng đi. T, T, H từ chợ Mương Điều chạy lên quán

Lê G, trên đường đi thì gặp G đang chờ tại nhà, thì cả bốn người cùng đi lên quán cà phê Lê G để tìm B.

Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, T, H, T và G đến quán cà phê Lê G, cả 04 người dừng xe trước quán, T đi thẳng đến chỗ B đang chơi bi da dùng tay trái câu cổ B yêu cầu B ra ngoài hỏi chuyện, đồng thời kéo B ra ngoài sân đứng cạnh xe của T và nói với B “*Mày lên xe tao chở xuống quán cà phê nói chuyện*”. B không đồng ý nên dùng tay gạt T ra, thì bị T dùng tay phải nắm cổ áo, tay trái tát B 01 cái trúng vào má phải. Thấy T đánh B; G, T, H xông vào dùng tay đánh vào người B nhiều cái. Bị đánh, B nói “*Tụi bây giết tao ở đây luôn đi, chứ tao không đi đâu hết*”. Nghe B nói vậy, H từ phía sau dùng tay đánh mạnh vào cổ B 01 cái làm B bất tỉnh. T lên xe Honda SH biển số 66V1-404.38 ngồi sẵn rồi kêu T, G, H “*Khiêng nó lên xe*”, mục đích để bắt giữ B. Nghe T kêu, G và T cùng nhau khiêng B lên xe, T ngồi sau ôm giữ B để T chở về quán cà phê Cát Đằng, thuộc ấp H, xã R, huyện V, tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu B trả nợ, H và G chạy theo sau cùng về quán Cát Đằng.

Khi đến quán cà phê Cát Đằng, H và T khiêng B để nằm trên nền gạch trong quán, T lấy 01 ca nước tạt lên mặt B để cho B tỉnh lại. T, G, T, H giữ B tại quán Cát Đằng khoảng 60 phút, đồng thời T yêu cầu B về xin tiền người thân để trả nợ cho T. Sau đó T, G, T, H lấy xe chạy đi, bỏ B ở lại quán một mình và được người thân đưa đi khám bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp rồi về nhà trong ngày. Do không có thương tật trên cơ thể, không có hồ sơ bệnh án tại bệnh viện, đồng thời anh B từ chối không đi giám định, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không giám định thương tích cho anh Lê Thanh B được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ của:

- Nguyễn Hoàng T 01 điện thoại di động màu đen model RM1133, số Imei 354898080622862; 01 xe mô tô màu đỏ nhãn hiệu SUZUKI, số khung RU110U-A49807, số máy E114-MI49807 cùng Giấy đăng ký xe mô tô, biển số 66V1-375.85 tên Đặng Văn Bảo; 01 xe Honda SH màu trắng cùng Giấy đăng ký xe mô tô, biển số 66V1-404.38 tên Nguyễn Hoàng T; 01 xe Honda Airblade màu đen, biển số 66V1-388.22 của Lê Thanh B; 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hoàng T; 211 tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 500.000đ/tờ; 01 chứng từ giao dịch nộp tiền ngày 31/3/2017 người chuyển tiền tên Nguyen Huu Thanh; 143 mẫu tờ giấy mượn tiền.

- Trần Trường G1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng; 01 xe mô tô biển số 66FD-9946 màu trắng-tím hiệu FUSIN, số khung 803451, số máy 803451.

Tại bản kết luận định giá T sản số: 27/HĐĐG-TS ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá T sản huyện V kết luận: 01 xe SH màu trắng-đen, biển số 66V1-404.38, giá trị còn lại sau định giá là 125.000.000đ.

Quá trình điều tra, chị Lê Thị Cẩm G (vợ của Nguyễn Hoàng T) đã nộp 62.500.000đ và có đơn xin nhận lại xe HondaSH, biển số 66V1-404.38 với lý do đây là T sản chung của vợ chồng G và T, khi T sử dụng vào việc thực hiện tội phạm chị G không biết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho:

- Đặng Văn Bảo 01 xe mô tô màu đỏ nhãn hiệu SUZUKI, số khung RU110U-A49807, số máy E114-MI49807 cùng Giấy đăng ký xe mô tô biển số 66V1-375.85 do không có liên quan đến vụ án.

- Nguyễn Hoàng T: 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hoàng T; 211 tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 500.000đ/tờ.

- Lê Thanh B 01 xe Honda Airblade màu đen, biển số 66V1-388.22.

Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã trả lại cho Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Cẩm G 01 (một) xe mô tô Honda SH, biển số 66V1-404.38 cùng Giấy đăng ký xe tên Nguyễn Hoàng T.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thỏa thuận bồi thường xong chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại là 10.000.000đ và được người bị hại làm đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 ra Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, do Nguyễn Hoàng T nhiều lần đòi nợ nhưng anh Lê Thanh B đều lánh mặt không trả, nên khi phát hiện anh B chơi bi da tại quán cà phê Lê G thuộc ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, thì T rủ Trần Văn H, Tạ Phước T và Trần Trường G1 đi tìm B đòi nợ. Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 18/05/2017, tại quán cà phê Lê G, T cùng với H, T, G đã dùng vũ lực đánh anh B ngất xỉu rồi H, T, G bắt giữ B đưa lên xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển số 66V1-404.38 để T cùng T chở về quán cà phê Cát Đằng thuộc ấp H, xã R tiếp tục giữ anh B tại đây khoảng 60 phút để yêu cầu anh B trả nợ. Hành vi của các bị cáo T, T, G, H đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Trong đó Nguyễn Hoàng T là kẻ chủ mưu, cầm đầu, còn Trần Văn H, Tạ Phước T và Trần Trường G1 là người giúp sức tích cực cho Nguyễn Hoàng T thực hiện trót lọt tội phạm.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi của các bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ;

- + Áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ;

Đối với Trần Văn H hiện đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị không giải quyết;

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 chứng từ giao dịch nộp tiền ngày 31/3/2017, người chuyển tiền tên Nguyen Huu Thanh và 143 mẫu tờ giấy mượn tiền không còn giá trị sử dụng do bị cáo T không yêu cầu nhận lại.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước của:

. Bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 (một) điện thoại di động màu đen model RM1133, số Imei 354898080622862 và bị cáo Trần Trường G1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng do là phương tiện T và G liên lạc để cùng thực hiện tội phạm.

. Bị cáo Nguyễn Hoàng T 62.500.000đ (50% giá trị xe mô tô Honda SH màu trắng-đen, biển số 66V1-404.38) là phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Trường G1 01 (một) xe mô tô biển số 66FD-9946 màu trắng-tím, nhãn hiệu FUSIN, số khung 803451, số máy 803451.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu ở trên và tại phần tranh luận các bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người làm chứng Lê Thị Cẩm G trình bày chị Cẩm G đã chung sống như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Hoàng T từ đầu năm 2017 đến nay chưa đăng ký kết hôn, xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng-đen, biển số 66V1-404.38 là T sản chung của chị Lê Thị Cẩm G và bị cáo Nguyễn Hoàng T. Chị Cẩm G không biết việc bị cáo T lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội, nên yêu cầu được nhận lại xe mô tô Honda SH và đồng ý nộp lại 50% giá trị xe mô tô Honda SH số tiền là 62.500.000đ để cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật, chị Cẩm G không yêu cầu gì đối với số tiền đã nộp là 62.500.000đ.

- Người làm chứng Nguyễn Kim O là mẹ ruột của bị cáo Tạ Phước T trình bày chị Oanh không hay biết gì về việc bị cáo T đi đánh anh Lê Thanh B vào ngày 18/5/2017.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời thừa nhận tội của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các T liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận các bị cáo cũng đều thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đều có đủ thể lực và trí lực nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, phạm vào khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

*“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.”.*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã làm mất trật tự, trị an ở địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của người khác. Quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì muốn mau chóng đòi được nợ cho mượn và với ý thức xem thường luật pháp, các bị cáo đã thực hiện hành vi bắt giữ anh Lê Thanh B trong thời gian khoảng 60 phút tại quán cà phê Cát Đằng, thuộc ấp H, xã R, huyện V, để buộc anh B và người nhà của anh B phải đem tiền trả nợ cho bị cáo T. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có 03 bị cáo cùng phạm tội, là đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp giản đơn, không có sự phân công cụ thể, rõ ràng mà do ý thức xem thường pháp luật gây ra. Do đó cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự, xác định rõ vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T là người chủ mưu, cầm đầu, chủ động rủ các bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 giúp sức cho bị cáo T thực hiện trót lọt hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo Nguyễn Hoàng T là người giữ vai trò chính trong vụ án và mức hình phạt dành cho bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực khắc phục H quả bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại; trình độ học vấn thấp, nên nhận thức về pháp luật bị hạn chế. Do đó, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 là đồng phạm, không có sự phân công cụ thể rõ ràng, với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, nên các bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 cùng có vị trí thứ hai và ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên, các bị cáo đều mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức về pháp luật bị hạn chế. Do đó, bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước và pháp luật đối với người không có tiền án, tiền sự, đồng thời tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, thật sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Đối với Trần Văn H hiện đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lê Thanh B đã được bị cáo T bồi thường xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về vật chứng:

- Đối với 01 chứng từ giao dịch nộp tiền ngày 31/3/2017, người chuyển tiền tên Nguyen Huu Thanh và 143 mẫu tờ giấy mượn tiền, do bị cáo T không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen model RM1133, số Imei 354898080622862 của bị cáo Nguyễn Hoàng T và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của bị cáo Trần Trường G1, đây là phương tiện để bị cáo T và bị cáo G liên lạc để cùng thực hiện tội phạm, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Đối với số tiền 62.500.000đ là  $\frac{1}{2}$  giá trị của xe mô tô Honda SH màu trắng-đen, biển số 66V1-404.38, do bị cáo T sử dụng xe mô tô Honda SH màu trắng-đen vào việc phạm tội chị Cẩm G không hay biết, Viện kiểm sát đã trả lại xe cho Honda SH cho bị cáo T và chị Cẩm G, đồng thời bị cáo T đã nộp lại  $\frac{1}{2}$  giá trị xe Honda SH

số tiền 62.500.000đ là đúng quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật. Do đó số tiền 62.500.000đ được tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 66FD-9946 màu trắng-tím, nhãn hiệu FUSIN, số khung 803451, số máy 803451 của bị cáo Trần Trường G1 không dùng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Trần Trường G1 là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh Đặng Văn Bảo 01 xe mô tô màu đỏ nhãn hiệu SUZUKI, số khung RU110U-A49807, số máy E114-MI49807 cùng giấy đăng ký xe mô tô, biển số 66V1-375.85; trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hoàng T và 211 tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 500.000 đồng và trả lại cho anh Lê Thanh B 01 xe Honda Airblade màu đen, biển số 66V1-388.22 là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T, Trần Trường G1 bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9]. Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T và Trần Trường G1 phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

**2. Áp dụng** khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến ngày 25/6/2017 bằng 30 (Ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

**3. Áp dụng** khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Tạ Phước T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Trường G1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến ngày 25/6/2017 bằng 30 (Ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Tạ Phước T và Trần Trường G1 cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

**4. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 chứng từ giao dịch nộp tiền ngày 31/3/2017, người chuyển tiền tên Nguyen Huu Thanh và 143 mẫu tờ giấy mượn tiền.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của:

+ Bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 (một) điện thoại di động màu đen model RM1133, số Imei 354898080622862 và của bị cáo Trần Trường G1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng.

+ Bị cáo Nguyễn Hoàng T số tiền 62.500.000đ (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 05536 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Trả lại cho bị cáo Trần Trường G1 01 (một) xe mô tô biển số 66FD-9946 màu trắng-tím, nhãn hiệu FUSIN, số khung 803451, số máy 803451.

*Vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 12/01/2018 giữa Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.*

**5. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Tạ Phước T và Trần Trường G1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- CC THADS huyện V;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- Các bị cáo, người bị hại;
- Lưu: HSVA, VPTA (Dẫn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Lê Quan Nam**